TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ---------- *Bản án số: 56/2017/HSST* *Ngày 11 tháng 9 năm 2017*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

NHÂN DANH

N- □C C□NG HOÀ X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUY□N G, T□NH N

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc

***Các hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông: Đinh Công Hiến: Cán bộ h- u trí thị trấn M, huyện G.

2. Ông Nguyễn Đình Phong: Trưởng Đài truyền thanh huyện G.

Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đoàn Thanh Minh - Cán bộ toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2017, tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N, Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2017/HSST, ngày 16/8/2017 đối với bị cáo:

Vũ Văn T, sinh năm 1990. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm 1, thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 7/12; con ông Vũ Văn T và bà Đinh Thị V; vợ Hoàng Thị Lvà có 01 con, sinh năm 2015; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 14/4/2017 bị Công an huyện G xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi "*Sử dụng trái phép chất ma túy*".

Lịch sử bản thân: Tại bản án số 71/2011/HSST, ngày 28/10/2011 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 27 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 22/6/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/6/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N - Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Vợ chồng anh chị: Phan Văn H , sinh năm 1983 ; Đinh Thị T, sinh năm 1984.

Đều trú tại: Thôn A, xã G, huyện G, tỉnh N - Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Mạnh H, sinh ngày 23/02/2003; trú tại: thôn P, xã G, huyện G, tỉnh N- Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho cháu H: Ông Trần Văn C (là bố đẻ của cháu H), sinh năm 1969; trú tại: thôn P, xã G, huyện G, tỉnh N - Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội nh- sau: Khoảng 19 giờ, ngày 21/3/2017, Vũ Văn T điều khiển xe mô tô (không đeo biển kiểm soát) chở cháu Trần Mạnh H, sinh ngày 23/02/2003, trú tại thôn P, xã G đi chơi. Khi đến nhà thờ giáo xứ Uy Đức thuộc thôn C, xã G, thấy bên trong sân nhà thờ có nhiều xe mô tô đang dựng không có người trông coi nên T nẩy sinh ý định trộm cắp xe mô tô. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở cháu H đi đến cách cổng nhà thờ khoảng 20m thì T dừng xe lại và nói với H "*Mày ở đây chờ tao*". T lấy trong cốp xe mô tô của mình 01 vam phá khóa bằng kim loại (dài khoảng 10cm, một đầu dẹp và một đầu hình lục giác) và 01 chiếc cờ lê cỡ 9 bỏ vào túi quần bên phải rồi một mình đi vào trong sân nhà thờ. Khi vào sân nhà thờ T thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 35B1- 038.83, mầu sơn nâu đen của chị Đinh Thi T dựng ở gần gốc cây nhãn trong sân nhà thờ, xe không khóa cổ, khóa càng. T lấy 01 vam phá khóa và cờ lê mang theo, tay phải cầm vam đút vào ổ khóa điện rồi dùng cờ lê vặn mạnh theo chiều kim đồng hồ để mở khóa điện của xe mô tô. Sau khi mở được khóa điện của xe mô tô, T dắt xe quay đầu ra phía cổng nhà thờ rồi nổ máy điều khiển xe mô tô đi ra gặp H, T nói "*Đi theo tao*", H điều khiển xe mô tô của T đi theo T. T điều khiển xe mô tô đến quán cắt tóc của mình ở phố T, thị trấn M để cất giấu, còn H không đi theo T nữa mà dừng xe mô tô tại khu vực ngã ba giao nhau giữa đường vận chuyển chuyên dụng của nhà máy xi măng The Vissai và đường 477 thuộc địa phận phố T, thị trấn M, huyện G đợi T. Sau đó Tân đi bộ ra vị trí H đứng đợi rồi điều khiển xe mô tô chở H về nhà. Khi về nhà, T tháo biển kiểm soát 35B1-038.83 của xe mô tô vừa trộm cắp được và lắp một biển kiểm soát (không xác định được cụ thể) mà T nhặt được từ trước rồi lắp vào xe mô tô trên. T điều khiển xe mô

tô trộm cắp đến quán sửa xe của anh Hoàng Văn Ph ở phố M, thị trấn M (là anh vợ của T) để gửi xe. Trên đường đi đến quán sửa xe của anh P, T đã ném chiếc vam phá khóa và chiếc cờ lê cỡ 9 dùng để trộm cắp xe xuống ruộng lúa bên đường. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T đi bộ đến quán sửa xe của anh P rồi lấy xe mô tô trộm cắp được đến nhà anh Mai Văn P, sinh năm 1961, trú tại xóm 1, xã G để rủ anh P đi hát Karaoke. Khi thanh toán tiền do thiếu 3.500.000 đồng tiền hát nên T đã để chiếc xe mô tô trộm cắp được lại quán Karaoke Quyền Râu của anh Nguyễn Huy L ở thôn X, xã G. Sau khi sự việc xẩy ra gia đình chị T đã nghi ngờ T trộm cắp xe mô tô của mình nên anh Phạm Văn H, sinh năm 1983 (chồng chị T) đã gặp T để nói chuyện; T thừa nhận hành vi và đồng ý cầm 3.500.000 đồng do anh Phạm Văn H đưa đi lấy lại xe mô tô trả lại cho vợ chồng anh H- chị T.

Qúa trình điều tra vụ án cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Qúa trình điều tra vụ án, Vũ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Tại Bản cáo trạng số 53/CT- VKS, ngày 15/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Vũ Văn T ra tr- ớc Toà án nhân dân huyện G để xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố nh- bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

□p dụng Điều 138 khoản 1; Điều 46 khoản 1 điểm b, p Bộ luật hình sự(BLHS). Xử phạt Vũ Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/6/2017. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ- ợc thẩm tra xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, ng- ời bị hại và những ng- ời tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên toà bị cáo Vũ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác đã thể hiện rõ: Xuất phát từ

việc muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà khoảng khoảng 19 giờ, ngày 21/3/2017, bị cáo đã điều khiển xe mô tô (*không đeo biển kiểm soát*) chở cháu Trần Mạnh H, sinh ngày 23/02/2003, trú tại thôn P, xã G đi chơi. Khi đến nhà thờ giáo xứ Uy Đức thuộc thôn C, xã G. Quan sát khu vực bên trong sân nhà thờ có nhiều xe mô tô đang dựng không có người trông coi nên bị cáo nẩy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo đã vào sân nhà thờ, quan sát, tiếp cận rồi dùng vam phá khóa mở khóa điện chiếc xe mô tô Honda Lead, biển kiểm soát 35B1- 038.83 của chị Đinh Thị T rồi tẩu thoát. Rõ ràng bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 35B1- 038.83 có giá trị theo kết luận định giá tài sản số 22/KLĐG-HĐ, ngày 18/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G là 15.600.000 đồng. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng những ng- ời làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, trị giá tài sản bị chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân đ- ợc pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh h- ởng xấu tới tình hình trị an của địa ph- ơng. Bản thân bị cáo năm 2011 đã từng bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 27 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và ngày 14/4/2017 bị Công an huyện G xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người có thái độ coi thường kỷ cương, pháp luật. Vì vậy cần phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh đối với bị cáo tr- ớc pháp luật bằng hình thức cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, cải tạo bị cáo thành ng- ời có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời mang tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội và sự việc bị phát hiện đã tích cực khắc phục, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đ- ợc quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng trong chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước ta.

Về hình phạt bổ xung : Xét bị cáo là lao động tự do chưa có thu nhập ổn định, lại phải nuôi con còn nhỏ. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ xung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 3.500.000 đồng gia đình chị T đưa cho T đi chuộc xe và sửa chữa xe mô tô. Gia đình cùng bị cáo T đã bồi thường cho gia đình anh chị Phan Văn H – Đinh Thị T số tiền là 4.000.000 đồng. Anh H và chị T đã nhận lại xe mô tô, biển số xe và không yêu cầu, đề nghị bị cáo bồi thường gì khác nên phần trách nhiệm dân sự Tòa không xét.

Anh Nguyễn Huy L là chủ quán hát Karaoke Quyền Râu tại xã G, huyện G. Ngày 22/3/2017 T hát tại quán nhưng thiếu tiền thanh toán nên đã để lại chiếc xe mô tô trộm cắp của chị T lại. Ngày 28/3/2017 T đã trả lại anh L số tiền 3.500.000 đồng và lấy lại xe mô tô trên. Anh L đã nhận tiền và không yêu cầu gì khác.

Đối với cháu Trần Mạnh H đi cùng bị cáo để chơi điện tử, H không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản. Chỉ khi bị cáo dùng cờ lê vặn vam phá khóa mở khóa điện để mở cốp xe ở nhà bà T thì H mới biết. Hành vi của cháu H là ít nghiêm trọng, đồng thời tại thời điểm xảy ra hành vi tội phạm thì cháu H chưa đủ 16 tuổi. Do đó hành vi của H không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với anh Hoàng Văn P, khi bị cáo để lại xe mô tô trộm cắp của chị T ở nhà mình thì anh P không biết nguồn gốc xe mô tô do bị cáo trộm cắp mà có. Vì vậy anh P không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc vam phá khóa bằng kim loại và chiếc cờ lê cỡ 9 bị cáo dùng làm công cụ trộm cắp tài sản. Qúa trình điều tra bị cáo khai khi điều khiển xe mô tô đến nhà anh Hoàng Văn P đã ném chiếc vam phá khóa cùng chiếc cờ lê cỡ 9 xuống ruộng lúa dọc đường, không xác định vị trí cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ truy tìm.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không đeo biển kiểm soát mà bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Đây là xe mô tô của anh Hoàng Văn P (anh vợ T) cho T làm phương tiện đi lại. Qúa trình sử dụng T đã bán xe mô tô cho một người đi đường (không rõ lai lịch), vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ, không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc biển kiểm soát (không xác định được cụ thể) do bị cáo nhặt ở đường 477 lắp vào xe mô tô trộm cắp được. Khi lấy lại được xe mô tô, anh Phạm Văn H (chồng chị T) đã tháo chiếc biển kiểm soát này ném xuống mương nước sau nhà mình. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội *" Trộm cắp tài sản"*.

□p dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 07(Bẩy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/6/2017.

2. Về án phí: □p dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (***Hai trăm nghìn đồng***) án phí hình sự sơ thẩm.

□n xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh N
- CQĐT Công an huyện G
- Thi hành án dân sự H. G
- Viện kiểm sát H. G
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- L- u HS, VP

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THỘM PH□N - CH□ TO□ PHI□N TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc